

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 15-8-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu
Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thủy -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2022/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2022/QĐ-PT ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ X, khu phố P, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T (về tranh chấp nuôi con chung): Ông Đỗ Thành Tr- Luật sư Công ty Luật TNHH N - Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt).

Địa chỉ: Số 41B6 đường X, phường M, thành phố T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ X, khu phố P, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Thôn 8, xã Pong D, huyện Krong, tỉnh Đak Lak.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn T là nguyên đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 04-01-2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Phạm Thị B kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống chung tại Tổ X, khu phố P, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, nhận thức khác biệt nhau, không thể hòa hợp được, mâu thuẫn chủ yếu xung quanh quan điểm về nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ con chung. Nay ông T xác định không còn tình cảm với bà B, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Ông T và bà B có 01 con chung là cháu Lê Đ, sinh ngày 26/11/2016. Từ tháng 01/2022 đến nay bà B đã tự ý dẫn cháu Đ về nhà bố mẹ bà tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống mà không hỏi ý kiến của ông T. Nếu ly hôn ông T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đ vì bà B thường xuyên đăng tải lên trang facebook cá nhân để tuyên truyền chống phá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về việc tiêm vaccin phòng chống dịch Covid-19 bà B bảo thủ quan điểm “không có virus”, “tiêm vaccin vào là chết” nên không đủ điều kiện để dạy dỗ, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, bà B nuôi con không khoa học, không cho con uống sữa động vật, ăn uống không đủ chất nên con kém phát triển, suy dinh dưỡng. Ông T không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng, bị đơn bà Phạm Thị B trình bày:*

Bà B thống nhất trình bày của ông T về thời gian và điều kiện kết hôn. Bà B xác định trong thời gian chung sống thì giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T sống vô tâm, không quan tâm yêu thương, chăm sóc vợ con. Ông T là bộ đội nên dành rất ít thời gian cho gia đình, thường xuyên ở đơn vị, chỉ một mình bà B nuôi nấng, chăm sóc con lúc khỏe mạnh cũng như ốm đau. Mỗi tháng ông T gửi về cho bà B chỉ từ 2.000.000 đồng - 4.000.000 đồng và giao hết trách nhiệm cho bà B nuôi con và chăm sóc gia đình. Nay ông T xin ly hôn, bà B xác nhận hai bên cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà B và ông T có 01 con chung là cháu Lê Đ, sinh ngày 26/11/2016. Ngày 19/01/2022 bà B đã đưa cháu Đ về nhà cha mẹ ruột tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống và đã làm thủ tục nhập học cho cháu tại Trường Tiểu học cơ sở LL, huyện Krong, tỉnh Đắk Lak. Bà B không đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng vì từ nhỏ cháu Đ ở với mẹ, ông T do đặc thù công tác nên thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Ngoài ra, theo bà B thì ông T đã có 01 con trai riêng với người vợ trước, ông không thể hiện trách nhiệm chăm nom, chu cấp con sau ly hôn. Bà B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà B và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2022/HNST ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định như sau:*

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn T và bà Phạm Thị B.

Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Phạm Thị B có 01 con chung là cháu Lê Đ, sinh ngày 26/11/2016.

Giao cháu Lê Đ cho bà Phạm Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2022 nguyên đơn ông Lê Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung như sau: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao con chung là cháu Lê Đ cho ông nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Phạm Thị B cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi con chung.

- Bà Phạm Thị B không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông T, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà B xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T- Luật sư Đỗ Thành T trình bày:*

Ông T là sĩ quan quân đội làm việc trong giờ hành chính, thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, theo quy định pháp luật thì đó là căn cứ tốt nhất để được quyền nuôi con chung cháu Lê Đ. Tại nhà mẹ ruột ông T đang sống có rất nhiều anh em họ hàng xung quanh nên là môi trường tốt để cháu Đ phát triển, sống bên người thân. Còn bà B có chỗ ở không ổn định vừa sống với bố mẹ tại Thanh Hóa, vừa ở Đak Lak. Trong thời gian qua, bà B còn chặn số điện thoại của ông T không cho ông T liên lạc hỏi thăm con, có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm ông T. Bà B còn bị phản ánh có hành vi xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước tại quê nhà, có nhiều bài viết sai trái trên trang facebook cá nhân nên việc cháu Đ sống với bà B sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều điều xấu. Bà B còn có suy nghĩ nuôi con cực đoan, chỉ cho con bú sữa mẹ và sữa hạt, không cho con uống sữa động vật, nuôi con thuận theo tự nhiên mà không chăm sóc con, không cho tiêm các loại vắc xin do Nhà nước quy định từ khi sinh ra đến nay, khi con ốm đau thì không điều trị mà để tự khỏi bệnh nên ông T phải đưa con đi khám chữa bệnh. Bà B kinh doanh trên mạng xã hội nên thu nhập không ổn định và cũng đã đi khám bệnh về tâm thần. Từ những phân tích trên cho thấy bà B không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung; ông T mới là người có đầy đủ năng lực, điều kiện tốt hơn để nuôi con trưởng thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*

phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông T nộp trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định, nên kháng cáo của ông T là hợp pháp, đề nghị chấp nhận. Tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Xét thấy, cấp sơ thẩm giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T nộp trong thời hạn và hợp lệ theo quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2022/HNGĐ-ST ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Lê Văn T và bà Phạm Thị B. Sau khi xử sơ thẩm, bà B, ông T không kháng cáo về phần ly hôn mà chỉ ông T kháng cáo về phần giao nuôi con chung.

Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn T xin được trực tiếp nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về con chung, bà B và ông T có một con chung là cháu Lê Đ, sinh ngày 26/11/2016. Bản án sơ thẩm đã quyết định giao cho bà Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T và bà B đều xác nhận là cháu Đ từ lúc sinh ra đến nay trực tiếp ở với mẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đề nghị Tòa án giao cho ông trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà B và ông T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, nguyện vọng của bà B và ông T là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ đối với con cái. Ông T kháng cáo cho rằng ông đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung hơn bà B về chỗ ở, kinh tế, môi trường sống. Hội đồng xét xử xét:

- Về điều kiện kinh tế: Hiện nay, bà B đang làm nghề bán hàng qua mạng, thu nhập mỗi tháng bình quân 15.000.000 đồng, còn ông T là sĩ quan quân đội thu nhập mỗi tháng bình quân 12.000.000 đồng, cả bà B và ông T đều có đủ điều kiện kinh tế để được giao trực tiếp nuôi con.

- Về chỗ ở và điều kiện chăm sóc con chung: Theo ông T trình bày, ông đang công tác tại Trường bắn Quốc gia Khu vực 3 đóng quân tại xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai, từ đơn vị về nơi ở dự kiến nuôi cháu Đ có khoảng cách 30 – 40 km (Tổ X, thị trấn B, huyện M). Phía bà B thì khai nhận sau khi vợ chồng ly thân, bà đã đưa con

về sống cùng cha mẹ ruột tại xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và nay bà về Đak Lak định cư, bà đã làm thủ tục nhập học cho cháu Đ tại Đak Lak. Về thời gian thì tại biên bản hòa giải ngày 02/3/2022 (bút lục 121) ông T xác nhận ông làm việc hành chính, cuối tuần về nhà một lần; bà B kinh doanh mua bán qua mạng. Như vậy, xét về mặt thời gian và công việc thì bà B thuận lợi hơn ông T về việc trực tiếp chăm sóc cháu; chính ông T cũng xác nhận nếu ông bận công tác thì có bà nội hỗ trợ chăm sóc cháu. Về môi trường, ông T cho rằng cháu ở với ông sẽ có các cháu con bác (anh ruột ông T) cùng trang lứa tạo môi trường vui vẻ bên những người thân, còn ở với bà B là môi trường khép kín chỉ có một mình cháu nhưng ông không có chứng cứ chứng minh bà B không tạo môi trường phát triển toàn diện cho cháu mà chỉ là nhận định chủ quan.

Ngoài ra, ông T và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T cho rằng bà B có tư tưởng cực đoan, bài trừ vacxin không cho con tiêm ngừa vacxin, nuôi con không khoa học, không cho con ăn đầy đủ dẫn đến cháu suy dinh dưỡng; tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà B đã cung cấp sổ theo dõi tiêm các loại vacxin của cháu Đ và Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đã xem xét sổ thấy rằng cháu đã được tiêm đầy đủ các mũi vacxin cho trẻ em theo đúng thời gian quy định; ông T có cung cấp toa thuốc về chẩn đoán cháu chậm tăng trưởng nhưng toa thuốc được cấp ngày 05/11/2020; hiện nay bà B nuôi cháu Đ vẫn phát triển bình thường. Trong đơn kháng cáo, ông T cho rằng bà B có “tiền sử đi khám bệnh tâm thần” và là người không bình thường nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông T cho rằng bà B thường xuyên chửi bới, gây sự với chính quyền nơi cư trú, còn tham gia nhóm hội trên trang facebook bài trừ phản đối tiêm vacxin phòng ngừa Covid-19, xét thấy hành vi của bà B như ông T trình bày không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhắc nhở, xử phạt vi phạm nên không có căn cứ cho rằng bà B vi phạm đạo Đ, lối sống để tước quyền nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Đ từ lúc sinh ra cho đến nay cháu sống cùng mẹ và được mẹ nuôi dưỡng, ông T công tác xa nhà, cháu còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Để tiếp tục ổn định về tâm sinh lý, môi trường sinh hoạt của cháu Đ, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Đ cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/20221/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nhận định của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T không có căn cứ để sửa án sơ thẩm giao cháu Lê Đ cho ông T nuôi dưỡng.

Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa trùng hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Lê Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2 . Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Lê Văn T và bà Phạm Thị B.

- *Về con chung*:

Bà Phạm Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Lê Đ, sinh ngày 26-11-2016. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T, bà B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010783 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 00011120 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện M,
- TAND huyện M;
- Chi cục THA DS huyện M;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa HNGĐ, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lý Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Vỹ – Nguyễn Thị Ly

Lý Thị Lệ Thủy